

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17-3-2023
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt);

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị Hạnh D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông Trần Văn B (nguyên đơn) và Bà Vũ Thị Hạnh D (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/01/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung

sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Các bên đã nhiều lần thỏa thuận với nhau và hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 03 con chung là cháu Trần Vũ Bảo Q, sinh ngày 19/7/2010; cháu Trần Đức Tr, sinh ngày 16/9/2011 và cháu Trần Thiên M, sinh ngày 22/11/2013, hiện tại các cháu đều đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị Hạnh D trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Qua quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông B thường xuyên ghen tuông vô cớ, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt, không còn tình cảm. Đến tháng 11/2022 bị đơn chuyển về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B về việc ly hôn thì bị đơn không đồng ý, vì theo phong tục của Thiên chúa giáo không được phép ly hôn, bị đơn vẫn thương con và chồng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nếu ông B vẫn cương quyết ly hôn thì bị đơn yêu cầu ông B phải giải quyết công nợ giữa bị đơn và ông B trước, rồi mới đến vấn đề ly hôn.

Về con chung: Qua quá trình chung sống bị đơn và ông Trần Văn B có 03 con chung là cháu Trần Vũ Bảo Q, sinh ngày 19/7/2010; cháu Trần Đức Tr, sinh ngày 16/9/2011 và cháu Trần Thiên M, sinh ngày 22/11/2013. Hiện các cháu đang ở cùng với ông Trần Văn B. Đối với ý kiến của các cháu muốn ở với ông B thì bị đơn vẫn tôn trọng ý kiến của các cháu, và đồng ý giao các cháu cho ông B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao 03 con chung là

cháu Trần Vũ Bảo Q, sinh ngày 19/7/2010; cháu Trần Đức Tr, sinh ngày 16/9/2011 và cháu Trần Thiên M, sinh ngày 22/11/2013 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn bà Vũ Thị Hạnh D có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đã được thông báo hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/01/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, bị đơn và nguyên đơn thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân với từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là cháu Trần Vũ Bảo Q, sinh ngày 19/7/2010; cháu Trần Đức Tr, sinh ngày 16/9/2011 và cháu Trần Thiên M, sinh ngày 22/11/2013, hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn và nguyện vọng của các cháu cũng muốn sống cùng nguyên đơn (theo biên bản ghi ý kiến của con vào các ngày 27/12/2022, ngày 12/01/2023). Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp mức thu nhập hàng tháng là 18.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao các con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao các con chung là cháu Trần Vũ Bảo Q, cháu Trần Đức Tr và cháu Trần Thiên M cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên

đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B được ly hôn với bà Vũ Thị Hạnh D.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Vũ Bảo Q, sinh ngày 19/7/2010; cháu Trần Đức Tr, sinh ngày 16/9/2011 và cháu Trần Thiên M, sinh ngày 22/11/2013 cho ông Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0017461 ngày 08/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố bản án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng các bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định